

Tập tục sinh đẻ của người Thái ở miền Tây hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An^(*)

Lê Duy Đại^(**)

Tóm tắt: Người Thái ở Việt Nam phân thành 2 ngành là Thái Đen (Tay Dăm) và Thái Trắng (Tay Đón hoặc Tay Khao), nhưng ở miền Tây Thanh - Nghệ, họ dùng tên tự gọi theo nhóm địa phương như Tày Thanh, Tày Đèng, Tày Mường... Đối với các nhóm Thái, sự ra đời của mỗi đứa trẻ không chỉ là biểu hiện hạnh phúc của lứa đôi, sự kiện trọng đại của mỗi gia đình, mà còn là niềm vui của cả dòng họ. Bài viết làm rõ tập tục sinh đẻ với những nét văn hóa đặc thù mang bản sắc vùng miền của người Thái nơi đây.

Từ khóa: Dân tộc Thái, Tày Thanh, Tày Đèng, Tày Nhại, Tày Dọ, Tập tục sinh đẻ

1. Người Thái nói các thứ tiếng thuộc nhóm ngôn ngữ gốc Thái của ngữ hệ Thái - Kadai. Trong nhóm này, ngoài việc sử dụng tiếng Thái của người Thái (Thailand), tiếng Lào của người Lào, tiếng Shan (Myanmar), tiếng Choang (miền Nam Trung Quốc), họ còn sử dụng ngôn ngữ của 8 dân tộc thiểu số gồm Bố Y, Giáy, Lào, Lự, Nùng, Sán Chay, Tày và Thái ở Việt Nam.

Tại Việt Nam, năm 2009, người Thái có 1.550.423 người, chiếm 1,81% dân số cả nước, cư trú suốt từ miền Tây Bắc, qua Hòa Bình cho đến tận miền Tây hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, trong đó Nghệ An có 295.132 người (chiếm 10,13% dân số của tỉnh), Thanh Hóa có 225.336 người

(chiếm 6,63% dân số của tỉnh) (Xem: Ban chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương, 2010: 134-161). Người Thái tự gọi mình là *Phủ Tay* hay *Côn Tay* đều có nghĩa là người. Có 2 ngành là *Tay Dăm* (Thái Đen) và *Tay Khao* hoặc *Tay Đón* (Thái Trắng). Ngành Thái Đen và Thái Trắng ở Việt Nam cư trú rải rác ở các địa phương, phần lớn ở các tỉnh phía Bắc (Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình). Ở miền Tây 2 tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, bộ phận người Thái thuộc ngành Thái Đen có tên gọi Tày Thanh, Tày Đèng thuộc nhóm Tày Nhại; còn bộ phận người Thái thuộc ngành Thái Trắng có tên gọi là Tày Mường, Tay Chiêng, Hàng Tổng thuộc nhóm Tày Dọ.

Sự phân chia hai ngành Thái Đen - Thái Trắng là một thực tế và do chính người Thái tự phân biệt. Tuy vậy, sự phân chia như thế cũng chỉ rõ nét ở người Thái vùng Tây Bắc, còn vùng Thanh Hóa,

^(*) Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ NAFOSTED trong đề tài mang mã số IV 2.2-2013.14.

^(**) TS., Báo tàng Dân tộc học Việt Nam; Email: daileduyvme@gmail.com

Nghệ An thì sự phân biệt này có phần mờ nhạt hơn. Ở đây, người ta không phân biệt Thái Đen hay Thái Trắng, mà thay vào đó là dùng tên tự gọi theo nhóm địa phương.

Về tên gọi các nhóm người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ, phổ biến là người ta thường dựa vào đặc điểm của môi trường cảnh quan địa lý, địa danh nơi cư trú, phương thức canh tác... Chẳng hạn như, *Tày Huổi* (*huổi* = suối) là tên gọi bộ phận người Thái cư trú ở ven suối; *Tày Pao* (*pao* = sông) - bộ phận người Thái cư trú ở ven sông; *Tày Hạy* (*hạy* = rẫy) - bộ phận người Thái làm rẫy; *Tày Nà* (*nà* = ruộng) - bộ phận người Thái làm ruộng; *Tày Xang* - người Thái ở mừng Xang; *Tày Mèn* - người Thái ở mừng Xiêng Mèn; *Tày Muối* - người Thái ở mừng Muối... Vì thế, người Thái ở Thanh Hóa, Nghệ An đôi khi một nhóm địa phương lại có nhiều tên gọi khác nhau như các tên gọi khác của *Tày Đeng* là *Tày Nhại*, *Tày Thanh*; của *Man Thanh* là *Tày Xiêng*, *Tày Dọ*, *Hàng Tổng*...

Cách gọi tên này cũng rất phổ biến trong các nhóm Phu Thay ở Lào. Người Phu Thay ở Lào có 29 nhóm địa phương, trong đó có nhiều nhóm mang tên gọi theo tên địa danh cư trú như *Thay Vạt* (*vat* = chùa) - người bản Chùa; *Thay Xăm* - người mừng Xăm; *Thay Pao* (*pao* = sông) - người cư trú ven sông; *Thay Men* - người có gốc gác từ mừng Xiêng Man (huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An) di cư sang (Nguyễn Duy Thiệu, 1996: 35)...

2. Người Thái có quan niệm duy linh về con người. Họ cho rằng, con cái được sinh ra là do các nàng Tiên/ nữ thần (*Mé Nàng/ Mé Cuông/ Me Vầu/ Ló Bàu*...), giống như *Bà Mụ* trong quan niệm của người Việt, “đúc” ra. Có nhiều nàng Tiên, mỗi nàng có một tên gọi riêng như *Mé*

Nàng đằm trắng ngằm nõng ón ánh trắng ngằm hườn; Mé Nàng noi mừng xin tin mang lục pay rên khinh can bán... và mỗi nàng “đúc” ra một người với tính cách, năng lực... khác nhau. Ví dụ như, nàng Tiên có tên là *Mé Nàng đằm trắng ngằm nõng ón ánh trắng ngằm hườn* thì “sinh” ra loại người có tính hay tự ái... Mỗi người dưới trần gian là “con” của một trong số các Mé Nàng đó (*PV bà Vi Thị Quyết*, sinh năm 1955, người Tày Thanh, bản Cẩm, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An).

Đối với các nhóm Thái, sự ra đời của mỗi đứa trẻ không chỉ là biểu hiện hạnh phúc của lứa đôi, sự kiện trọng đại của mỗi gia đình, mà còn là niềm vui của cả dòng họ. Mỗi đứa trẻ, nhất là con trai ra đời, đáp ứng nhu cầu về việc nối dõi tông đường và gia tăng thành viên trong họ tộc (Lê Hải Đăng, 2013: 84).

Người Thái nói chung quan niệm đông con thì lắm phúc, nhiều lộc, lúc già yếu sẽ được các con phụng dưỡng chu đáo. Niềm hạnh phúc to lớn đối với mọi gia đình là có được “*con đàn, cháu đống*”, là “*gà vịt đầy chuồng, chó lợn kín máng, con cháu chật nhà*” và thật bất hạnh nếu chẳng may không sinh nở được. Ông Lô Thanh Tâm (sinh năm 1944, người Tày Mừng, bản Na Niếng, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An) nói: “Con cháu đông, nghĩ khi chết sẽ có nhiều người ngồi xung quanh quan tài là đã thấy ‘sướng’ lắm rồi”, đúng như câu tục ngữ của người Thái: “*Lai ả nõng dàn chợ giác, nọi ả nõng dàn chợ tai*” (Nhiều anh em sợ lúc đói, ít anh em sợ lúc tang).

Các nhóm người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ thích cả con trai, cả con gái, hay nói như người Việt là có nếp, có tẻ. Thành ngữ của người Thái có câu: “*Pó ke nhằng chược khoái; me ke nhằng chài*

hục” (Cố con trai là cố người chẵn trâu cắt cỏ, cố người nối đôi tông đường; cố con gái là cố người kéo sợi dệt vải). Tuy nhiên, như các cư dân theo chế độ phụ hệ khác, tâm lý chung của người Thái luôn thích sinh con trai hơn. Họ quan niệm, con gái là con nuôi cho họ; khi lấy chồng, con gái phải đổi họ, đổi tên, mang họ và tên của chồng, mất luôn cả họ và tên của mình^(*); người không có con trai khi chết là chết “lún”, chết “cụt” (*táy sut*)... Tục ngữ người Thái có câu “*Câu ơi nông nóng khôn bò, lua pớ lực chái đá hau*” (9 đứa con gái không bằng 1 thằng con trai chân què), hay “*Nhinh hong hai, chai hong liêng*” (con gái là của để bán, con trai là của để nuôi)...

Hiện nay, người Thái ở các nơi đã thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, mỗi gia đình sinh 2 con, nếu sinh nhiều hơn sẽ bị phạt từ 500.000 - 1.000.000đ. Thế nhưng tư tưởng trọng nam, khinh nữ, coi trọng nam giới vẫn còn nặng nề trong nhiều gia đình, khi chưa có con trai, họ vẫn tiếp tục sinh và chấp nhận bị phạt. Trường hợp ông Hà Tiến Phong (sinh năm 1968, người Tày Mường, bản Ná Ba, xã Châu Hoàn, Quỳnh Châu, Nghệ An) là một ví dụ. Ông Phong trước đây là trưởng bản này, đã có 6 con gái, nhưng chưa có con trai nên ông đã “cố” sinh đến lần thứ 7 và may mắn được một “hoàng tử”. Hoặc, bà Ngân Thị Phương (sinh năm 1986, người Tày Thanh, bản Pục, xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An) mặc dù là Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ của bản, nhưng cũng nói: “Tôi có hai con gái rồi, nhưng vẫn phải đẻ thêm có con trai nếu không làm gì có người thờ cúng, kể cả phạt, vẫn đẻ tiếp”...

^(*) Theo tục lệ của người Thái ở nhiều nơi, con gái khi lấy chồng phải mang họ và tên của chồng.

3. Phụ nữ Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ vẫn làm việc bình thường khi mang thai. Họ cho rằng, nếu duy trì các công việc nhẹ nhàng, vận động hợp lý thì cơ thể mẹ sẽ khỏe mạnh, tâm lý thoải mái, nhờ vậy mà thai nhi phát triển đều, dễ sinh. Thai phụ phải biết tránh các công việc nặng nhọc như gánh, vác... để làm sây thai. Họ còn kiêng không với tay quá cao, không bước qua dây thừng đang buộc trâu vì sợ ngã khi trâu di chuyển, ảnh hưởng đến bào thai. Nếu có đám tang, thai phụ không được đi đưa ma vì sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của thai nhi, hoặc khiến đứa trẻ có thể chết ngay khi ra đời.

Theo tập quán của người Tày Mường (Con Cuông, Nghệ An), khi mang thai, người phụ nữ phải kiêng khem một số thứ như: không ăn các món cay, sợ thai nhi bị “nóng”; không ăn quá mặn trong nhiều ngày, sợ sau này dễ bị sưng chân, phù chân; không ăn mắm tôm, mắm tép, mắm chua, dưa muối... sợ thai yếu, có thể gây ra các bệnh về mắt, thậm chí hỏng thai, kiêng ăn quả sinh đôi vì sợ đẻ sinh đôi, khó nuôi; không ăn thịt các con vật bị chết, vì lo khi sinh, sản phụ bị thiếu máu; không ăn ốc, sợ con nhiều dãi; không ăn cá nướng và cá nấu canh, sợ đẻ con khó ra nhau thai; không uống nước đựng trong ống bương đã chặt vát một đầu, bởi sợ sau này con sứt môi (Lê Hải Đăng, 2013: 87-88).

Đối với người Tày Thanh, về cơ bản cũng có những kiêng kỵ đó, nhưng họ nhấn mạnh kiêng ăn sắn nướng (sắn luộc thì ăn được) vì sợ đẻ khó, sợ con đen (như sắn nướng), kiêng ăn mỡ trâu, mỡ bò sợ có nhiều mỡ khó đẻ. Họ cũng không uống nước đựng trong ống bương đã chặt vát một đầu như người Tày Mường, nhưng ai cũng kiêng cả, không riêng gì người mang thai vì uống nước đó là thể hiện sự đau khổ, chỉ trong đám ma mới uống.

Giống như nhiều dân tộc khác, người Thái ở đây coi phụ nữ trong thời kỳ mang thai hay đã sinh nhưng chưa đầy tháng là không được “sạch sẽ”. Vì vậy, những người bụng mang dạ chửa không được đi ngang qua trước mặt bàn thờ tổ tiên, sợ làm ô uế chỗ linh thiêng, không được đến đám cưới vì có thể mang điều không may đến cho cô dâu, chú rể... Người nào bước chân ra khỏi nhà mà gặp bà chửa (mang thai) là nghĩ “xui”, thậm chí có người quay trở lại vào nhà rồi sau đó mới đi, nhất là khi dự định làm một việc “lớn” nào đó...

Không chỉ phụ nữ mang thai mà ngay cả người chồng của họ cũng phải kiêng khem không kém. Người chồng không được cắt cỏ trâu, chọc tiết lợn; không được đánh rắn hay bỏ ốc vào trong túi áo... nếu không, thì con sinh ra sẽ khóc như trâu rống, lợn kêu, hay thè lè lưỡi như lưỡi rắn hoặc miệng lúc nào cũng chảy dãi rớt như miệng ốc.

Với mong muốn người mẹ mang thai có sức khỏe, thai nhi phát triển bình thường, sau này sinh đẻ dễ dàng, có nhiều sữa cho con bú..., ngoài việc kiêng kỵ, các nhóm người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ còn chú ý đến việc ăn uống của thai phụ. Thường người ta cho thai phụ uống các loại thuốc lá để tăng thêm sức khỏe, phòng chống bị băng huyết khi sinh và dưỡng thai; ăn các thứ bổ dưỡng nhưng không ảnh hưởng đến thai nhi như canh thịt nạc, thịt gà, cá; các loại hoa quả như chuối, đu đủ... Nếu thai phụ thèm đồ ngọt thì cho ăn mía chứ không dùng đường. Đối với người Tày Đèo ở bản Phiềng Xóm Lồm (bản 82), xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, những người mang thai trước đó phải kiêng ăn các loại trái cây và rau cho nhiều nước như quả sô, rau mồng tơi, rau dớn, nước dứa... vì sợ

vỡ ối đẻ non, nhưng đến gần ngày đẻ thì các thứ đó được tăng cường để có nhiều nước ối cho dễ đẻ. Nhóm người này còn cho thai phụ ăn thêm rau ngót để sau này cho dễ đẻ, lá và quả đậu ván để khi sinh cho nhau thai mau ra (?).

Để phòng chống sinh non, các nhóm người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ thường uống nước ngải cứu, nước cây gai. Khi bị động thai, theo người Tày Thanh ở bản Cẩm, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thì ăn mía, loại mía *ói lau* có vỏ trắng (bạc vỏ), hoa trổ như bông lau. Các trường hợp thai chết lưu, tụt thai, nhiều nhóm người Thái cũng có các bài thuốc dân gian để điều trị. Ví dụ, người Tày Mường ở bản Na Niềng, xã Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An, theo ông Lô Thanh Tâm, dùng một loại cây (?) thuộc loại gỗ cứng, thân to bằng cột nhà, lá gần giống lá đu đủ nhưng nhỏ hơn một tí, thân có lông, hoa từng bông màu trắng và có quả bằng ngón chân cái. Khi dùng, người ta chặt cành về, chặt thành từng khúc, chẻ nhỏ rồi cho vào nồi đun uống thay nước hàng ngày...

Cũng có một số người chữa trị được một số bệnh liên quan đến thai sản như bà Ngân Thị Huỳnh, 74 tuổi, người Tày Mường, bản Đình, xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An là một ví dụ. Bà có thể chỉnh tư thế thai để thai nhi phát triển đều. Những trường hợp bị tụt thai, thai ngang hay thai ngược đều đến nhờ bà giúp. Việc chỉnh thai về đúng vị trí cũng không mấy khó khăn với bà Huỳnh. Có những người mang thai 5 tháng nhưng bào thai không nằm ở vị trí thông thường mà lệch về bên trái hoặc bên phải, ảnh hưởng đến sự phát triển của thai nhi, bà cũng được mời đến xoay thai về vị trí phù hợp để đến tháng thứ bảy, thai nhi sẽ tự xoay đầu xuống phía dưới (Lê Hải Đăng, 2011: 54)...

4. Khi trong nhà có người phụ nữ sắp sinh, người ta (chủ yếu là người chồng) phải chuẩn bị một số thứ cần thiết như vào rừng chặt nửa để nấu thuốc lá và nấu cơm lam cho sản phụ^(*); đi lấy hoặc mua thuốc lá; sợi chỉ/ sợi tơ/ sợi gai để buộc rốn; đan *ta leo*, đan nôi, tã lót... Riêng người Tày Đèo (Quan Sơn, Thanh Hóa) còn phải chuẩn bị một ít củi cây *nóc nác*, khi đốt khói có tác dụng chữa bệnh và “xua đuổi” ma quỷ^(**); trước khi sinh vài ba ngày, họ lấy vừng đen vãi xung quanh nhà cũng nhằm để ngăn không cho ma quỷ đến làm hại sản phụ và đứa bé (khi sinh vùng chưa mọc cây cũng không sao).

Theo truyền thống, với các nhóm người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ, sản phụ sắp sinh sẽ được chuyển sang nằm ở gian bếp và sinh nở tại đó với sự trợ giúp của bà đỡ “vườn”, hoặc mẹ chồng hay mẹ đẻ. Cũng có khi sản phụ tự mình xoay xở lấy. Thai phụ sinh con ở tư thế ngồi xổm, ngồi trên ghế hay như nhóm Tày Mường ở Con Cuông, Nghệ An là quỳ (Lê Hải Đăng, 2011: 55). Thai phụ thường bám vào một sợi dây thừng buộc chặt thả xuống từ xà bếp, ôm cột nhà bếp hay một người nào đó để làm điểm tựa mà rặn đẻ. Theo người dân, sinh cạnh bếp lửa sẽ giúp người phụ nữ đỡ mất nhiệt sau khi “vượt cạn”; hơn nữa, theo quan điểm của họ, lửa giúp xua đuổi ma quỷ, không cho chúng đến làm hại sinh linh bé nhỏ vừa ra đời.

Gặp những trường hợp khó sinh, người Tày Thanh ở bản Cẩm (Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An) cho thai phụ ăn trứng gà

(*) Theo phong tục của người Thái, phụ nữ khi sinh phải ăn cơm và uống thuốc lá (thuốc cỏ) nấu trong ống nứa tươi. Nấu như vậy cơm sẽ ngon, thơm và nhiều chất hơn; còn thuốc lá phải nấu/ sắc trong ống nứa hoặc âm/siêu đất mới giữ được vị và công dụng của thuốc.

(**) Bình thường không dùng củi cây *nóc nác* vì khó cháy và nhiều khói.

sống, còn ở bản Phiềng Xóm Lồm (Thanh Hóa) lại cho uống nước rau ngót; người Tày Mường ở Con Cuông (Nghệ An) có cách chữa “mẹo” là, lấy tấm lót trong chỗ đồ xôi ra, tháo rời các nan đan, đặt một bát ăn cơm vào đó rồi rót nước lã, sau đó lấy bát nước ra cho sản phụ uống..., nhưng nhìn chung các gia đình thường mời thầy mo đến nhà “làm phép”. Mọi người đều kể, ông mo đến, múc bát nước lã và ghé vào bát nước, miệng lầm rầm đọc câu gì đó, theo họ là ông mo làm phép “mở tử cung” (*kháy pục khay pà*), rồi đưa cho sản phụ uống, thế là đẻ được (!). Còn bà Ngân Thị Lượng (sinh năm 1942, người Tày Thanh, bản Phiềng Xóm Lồm, Na Mèo, Quan Sơn, Thanh Hóa) nói, chính bà đã chứng kiến một trường hợp đẻ thai ngược, sản phụ sắp ngất rồi, mời ông mo đến, ông cầm chiếc túi “đồ nghề”, lấy bát gạo, chai rượu và bát nước lã cúng. Sau đó, ông lấy bát nước đưa cho sản phụ uống, rồi cũng đẻ được (!)...

Ngày nay, đa số người dân ở đây đều đến các cơ sở y tế để sinh con. Tuy vậy, vẫn còn nhiều gia đình để sản phụ sinh tại nhà, lý do quan trọng nhất là do sự chi phối của tập quán. Thói quen sinh nở tại nhà, bên cạnh người thân với cảm giác ấm cúng và không gian sống quen thuộc đã khiến họ không muốn đến các cơ sở y tế, nơi có phòng khám lạnh lẽo. Cũng có trường hợp không phải không muốn đến cơ sở y tế mà do sản phụ trở dạ quá nhanh, không thể đến trạm xá kịp.

Để cắt rốn cho đứa bé mới sinh ra, các nhóm người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ kiêng dùng dao, kéo vì sợ đứa trẻ bị “bệnh” và “đau”, mà thường dùng nửa khô lấy trên mái nhà cho sạch. Người Tày Đèo ở Thanh Hóa lại dùng nửa tươi, loại nửa già, không có nước bên trong; lấy ống giữ vừa sạch, vừa sắc.

Người ta lấy một đoạn cật nửa sắc và một sợi dây chỉ/ tơ/ gai (thường là dây gai cho chắc); cả hai được luộc sôi để sát trùng rồi đặt trên đĩa. Bà mẹ “vườn” buộc cuống rốn, chỗ cách bụng đứa trẻ khoảng 1 cm rồi lấy một dây khác buộc đoạn gần người mẹ (theo họ là để phòng băng huyết ở sản phụ), dùng que nửa cật đứt cuống rốn. Riêng người Tày Đèo (Thanh Hóa) quan niệm rằng, rốn có 3 nút thắt: nút đầu tiên - nút ngoan, không khóc (*chàng dao chàng kin tốp sung*), nút thắt thứ 2 - nút tiểu tiện (*chàng khí*) và nút thắt thứ 3 - nút đại tiện (*chàng diếu*), khi cắt rốn thì phải cắt bên ngoài các nút thắt đó, nếu không, cắt vào nút đầu tiên - đứa bé sẽ không ngoan, không khóc được, cắt vào nút thứ 2 - đứa trẻ không đi tiểu được và cắt vào nút thứ 3 - đứa trẻ không đi đại tiện được (*PV bà Ngân Thị Lương*).

Cắt xong, họ lấy nhọ nôi, nhọ kiềng bếp hay cạo chỗ ám khói trên chỗ hông xôi rắc vào vết cắt. Ở người Tày Mường (Nghệ An), khi cắt rốn, lấy than củi giã nhỏ lót lên mặt bàn rồi đặt cuống rốn lên để cắt, rồi bôi bột than vào vết cắt, giúp trẻ khỏi bị đau. Theo các cụ, việc bôi các thứ có màu “đen” đó lên rốn vừa có tác dụng cầm máu, vừa sát trùng, khô nhanh và hơn nữa, có người còn giải thích, là để làm dấu, giúp vía đứa trẻ nhận ra mà trở về trong trường hợp nó hoảng sợ, “chạy” đi khi vừa mới lọt khỏi lòng mẹ (*PV bà Lữ Thị Xuyên*, 65 tuổi, bản Thái Hòa, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, Nghệ An).

Kế đó, bà đỡ băng vết cắt, lấy bông lau sạch máu, dùng nước ấm rửa, lau khô và quấn tã (thường dùng tã cũ cho êm) cẩn thận, rồi đặt đứa bé vào chiếc mẹt (*lúng pát*). Tiếp đó, ở người Thái, Nghệ An, bà đỡ hay một bà có tuổi bê chiếc mẹt lên, “đâm” tượng trưng 3 lần vào cột bếp (*xan táu*), vừa đâm vừa nói: “*Lục pi*

pi má khả, lục pả pả má au, cai ni khấu tu cưa, vưa tu chom hó tốp hó xung nở” (Con trời, con đất thì chết đi, đi đi; nếu còn sống là con tôi, cháu tôi, không cho ai nữa, không ai được đòi nữa). Hỏi tại sao phải “đâm” vào cột bếp thì nhiều người giải thích là để đứa trẻ sau này lớn lên sẽ giỏi trèo cây hái quả, lấy mật ong và khi nằm võng (nôi) thì không sợ hãi mà khóc thét. Nhưng cũng có người, theo lời ông Lô Thanh Tâm, là để đầu đứa bé tụt lại, đầu không bị nhọn hay dài ngoẵng và đầu sẽ đẹp hơn (?). Với người Thái ở Thanh Hóa lại hơi khác. Bà mẹ sẽ nâng chiếc mẹt lên nhưng không “đâm” vào cột bếp mà đi ra đầu cầu thang nhà, nâng lên hạ xuống 3 lần và cũng nói câu tương tự như người Thái ở Nghệ An.

Theo kinh nghiệm của người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ, khi vừa lọt lòng mẹ, trẻ hay bị ngạt thở, dễ dẫn đến tử vong. Nếu vừa chào đời mà thấy toàn thân trẻ xanh ngắt thì lấy quạt quạt, cầm hai chân dúc ngược xuống rồi vỗ nhẹ vào lưng hoặc phết mạnh vào mông; sau đó, tắm nhanh cho trẻ trong chậu nước ấm rồi tiếp tục tắm nhanh trong chậu nước lạnh; cứ tắm như thế vài lần rồi lại cầm chân đứa trẻ dúc ngược xuống, phết vào mông cho đến khi trẻ phát ra tiếng khóc (tức là đầy bọt chất nhầy từ miệng, mũi ra để có thể hít không khí vào). Lúc này, hệ hô hấp đã hoạt động, trẻ có thể hít thở bình thường.

Tiếp đến là lấy nhau thai cho sản phụ. Bà mẹ một tay ấn lên bụng sản phụ, một tay moi từ trong ra để lấy nhau thai (*xưa tinh nọi*) và phải lấy ra hết, nếu không, sản phụ sẽ bị sốt và có nguy cơ tử vong. Nhau thai được người ta cho vào ống nửa, ống tre hay ống mét rồi đưa đi chôn. Có nhóm chôn chỗ nào cũng được (Tày Mường, Quế Phong), có nhóm chôn chỗ giọt ganh phía sau nhà (Tày Mường, Con Cuông) và

cũng có nhóm có khu chôn riêng - nghĩa địa dành cho trẻ em (*long bong ha*) (Tày Thanh, Quế Phong; Tày Đèo, Thái Trắng ở Quan Sơn)... Họ thường đi chôn nhau thai vào ban ngày, kể cả thai phụ sinh ban đêm cũng để sáng ngày mới mang đi chôn, trừ người Tày Đèo ở Quan Sơn, Thanh Hóa là phải đi chôn ngay sau khi sinh. Chỉ thấy người Tày Thanh ở Quế Phong, Nghệ An là chồng có thể đi chôn nhau đẻ của vợ, còn lại các nhóm người Thái khác là phụ nữ (em gái chồng, em gái vợ, mẹ chồng, mẹ vợ) thực hiện, kiêng nam giới, thậm chí người Tày Mường ở bản Na Niếng, xã Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An cho rằng, nếu bố chồng hay chồng mang nhau thai đi chôn thì người con dâu sẽ mang tội.

Sau đó, bà đỡ bế đứa trẻ đến đặt cạnh người mẹ, rồi dùng ngón trỏ đã quấn một ít bông sạch đưa vào miệng đứa trẻ “móc miếng” để lấy chất nhầy ra. Tiếp theo, bà đỡ nhúng đầu ngón tay trỏ cũng đã quấn vải sạch vào một loại nước củ có vị cay (?) giã nát rồi hòa với nước để lau sạch lưỡi và lợi cho đứa trẻ. Ngoài ra, còn có một cách khá phổ biến nữa là nhỏ vào miệng trẻ vài giọt nước chanh đường hoặc quệt mật ong lên lưỡi (*đánh tưa lưỡi*) sẽ có tác dụng làm sạch miệng lưỡi đứa trẻ, giúp đứa trẻ có hơi thở khỏe mạnh, không bị khô khè và giảm nguy cơ mắc các bệnh về đường hô hấp.

Xong các việc đó, đứa trẻ mới được mẹ cho bú. Trước khi cho con bú lần đầu, cũng như các lần sau, người mẹ bao giờ cũng rửa sạch vú bằng nước sôi để nguội, riêng người Tày Đèo ở Quan Sơn, Thanh Hóa “cẩn thận” hơn rửa bằng nước thuốc nấu với 3 loại cây là rau ngót (*phắc ngót*), chè xanh (*chè vớ*) và cây *din nưa* (?) mà theo bà Lô Thị Thi - thầy lang (sinh năm 1961, người Tày Đèo, bản Chung Sơn,

xã Sơn Thủy, Quan Sơn, Thanh Hóa), khi rửa vú bằng nước thuốc đó, trẻ bú vào cũng là “đánh tưa” cho đứa trẻ. Sau khi đứa trẻ bú xong, người ta cũng không quên mớm cho nó một miếng cơm nhai nhuyễn và người nhai là bà mẹ, mẹ chồng hay mẹ vợ; còn đối với nhóm Tày Thanh thì phải chọn người, thường chọn người có uy tín trong làng bản như cán bộ làng xã, thầy mo, người có học..., với mong muốn đứa bé sau này cũng được như họ (*PV bà Vi Thị Quyết*).

Đứa trẻ mới chào đời được đặt tên ngay, không phải lể lặt gì cả, nhưng là tên tạm thời như, đứa đầu là Cả Nghĩa (con trai), Hồng Nghĩa (con gái); nhưng từ đứa thứ 2 trở đi, không phân biệt nam nữ, đứa thứ 2 là Cánh Nghĩa, đứa thứ 3 - Ót Nghĩa, đứa thứ 4 - Lá Nghĩa, đứa thứ 5 - Lá Tóp, đứa thứ 6 - Lá Nồi, đứa thứ 7, 8, 9... đều có tên là Lá (người Tày Thanh ở bản Cẩm, xã Tri Lễ). Cũng có nơi gọi đứa đầu là thằng Cả, con Hồng, còn từ đứa thứ 2, 3, 4..., đặt tên theo số thứ tự như Cánh là thằng Hai, con Hai; Pá là thằng Ba, con Ba; Pôn là thằng Bốn, con Bốn... (người Tày Mường ở bản Na Niếng, xã Tri Lễ, Quế Phong và ở bản Nặt Dưới, xã Châu Hoàn, Quỳnh Châu). Có nơi gọi cả trai, cả gái bằng những cái tên có ý nghĩa như Ếu - yêu quý, E - bé bỏng, Ôn - mềm mại, Pèng - đắt giá, Hặc - quý mến, Păn - yêu thương... (người Tày Đèo ở bản Phiêng Xóm Lôm, xã Na Mèo)... Khoảng 2 đến 3 tháng sau, khi làm giấy khai sinh hoặc lúc đi học, thì đặt lại tên giống như tên của người Việt, “đẹp” hơn.

Sau khi sinh, cả hai mẹ con đều nằm cạnh bếp 3 ngày 3 đêm. Họ trải chiếu, chăn, đệm nằm, riêng người Tày Thanh (Quế Phong, Nghệ An), chỗ nằm này được thầy mo làm phép “khoanh” cho một vùng nhằm ngăn ma quỷ đến làm hại hai

mẹ con. Dưới gối sản phụ đều đặt con dao nhọn có cắm một nhánh gừng và trong 3 ngày sau sinh, sản phụ đi đâu (tiểu tiện, đại tiện...) cũng phải cầm theo con dao này để phòng trừ ma quỷ. Hàng ngày, sản phụ ngồi lên trên các lá thuốc hơi nóng, cứ nguội lại hơi nóng, lại ngồi; chồng, mẹ chồng hoặc chính sản phụ tự hơi. Đối với các nhóm người Thái ở Nghệ An, lá thuốc (số lượng không phân biệt sinh con trai hay con gái) để trên mặt chiếc ghế mây đặt ngoài khuôn bếp (bếp ở gian trong cùng), rồi sản phụ ngồi lên, quay mặt vào bếp. Nhưng với người Thái ở Thanh Hóa, bếp ở gian giữa, họ trải rơm trong khuôn bếp (chỗ đắp đất sét để đặt kiềng bếp), trên rơm đặt lá thuốc (sinh con trai dùng 7 nắm/ 7 ngọn lá, sinh con gái dùng 9 nắm/ 9 ngọn lá) đã hơi nóng, rồi sản phụ ngồi lên, lưng quay vào bếp, mắt nhìn ra gian ngoài (gian khách) (nếu sinh con trai) hoặc nhìn vào trong (gian cuối nhà) (nếu sinh con gái). Các loại lá thuốc thường được dùng là ngải cứu (nạt này), đại bi (nạt), púng pính, nhau kéo (?)... (người Thái ở Nghệ An); cây mui (cộng sản), *vơ giang lẻ*, *vơ na khau*, *phá nục*, *hục hòa*, *vơ nạt*, *vơ ép*, *có uón cá* (lá chống ma) (?)... (người Thái ở Thanh Hóa). Khi hơi, dùng càng nhiều loại lá càng tốt. Nhưng ít người biết hết tất cả các loại lá, chủ yếu do gia đình tự đi tìm lấy, nên người ta thường chỉ dùng 3-5 loại.

Ngoài ra, sau khi sinh, sản phụ người Thái còn uống nhiều loại thuốc lá nấu trong ống nứa; uống càng nhiều càng tốt, có người uống hàng tháng, nhưng ít cũng uống 3 ngày đầu sau sinh, mỗi ngày 3 lần, mỗi lần một bát. Riêng người Tày Thanh (PV bà Vi Thị Quyết) uống thuốc trong ngày thứ 2 và thứ 3 sau khi sinh, phải uống tăng dần lên (ngày thứ 2 uống 5 bát, đến ngày thứ 3 phải uống 7 bát...); các

ngày sau, không bắt buộc, uống hay không uống cũng được, uống mấy bát cũng không sao và uống càng nhiều, càng lâu càng tốt. Trước khi uống bát thuốc đầu tiên, bà Quyết cũng cho biết, sản phụ hay một người nào đó phải khấn cầu: "*Mur di au tan nậm diên, nậm dáng, nhằng mì than thit pần hát giá há xíp pần hap ton, xào xon pần hát may, mà ti xia mé xà lả, khá xia mé xà lờ*" (uống thuốc này cho khỏe mạnh, cho có nhiều sữa và không bị bệnh này, bệnh kia). Ở người Tày Đeng (Thanh Hóa), bát thuốc đầu tiên cho sản phụ uống phải bịt kín bằng lá chuối, chỉ để hở một tí để uống, nhằm chống hơi thuốc bốc lên làm nám da mặt (?). Họ dùng nhiều loại cây thuốc; mỗi nhóm tộc người, mỗi vùng có một cách riêng, nhưng trong đó cũng có một vài loại thuốc giống nhau. Chẳng hạn, cùng một nhóm Tày Đeng, đều ở huyện Quan Sơn (Thanh Hóa), ở bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy, không phân biệt sinh con trai hay con gái, sản phụ thường dùng 8 loại thuốc là *nắng cỏ mùr*, *ơ nhà*, *lặc lé lăm*, *thấu pây*, *thấu sán*, *kép cãng*, *thấu cỏi* và *thấu lon* (?); nhưng ở bản Phiềng Xóm Lôm (Thanh Hóa), lại có phân biệt, nếu sinh con trai thì uống 7 loại là *thấu pây*, *chắc ham*, *co phương*, *thấu sán*, *co neng*, *khang sa* và *khau sa* (?), còn sinh con gái phải uống 9 loại, ngoài 7 loại giống con trai, còn thêm 2 loại khác là *co mướt* và *co mùr* (?)... Với người Tày Thanh ở Quế Phong (Nghệ An), sản phụ cũng uống 7 - 8 loại thuốc lá (không phân biệt là sinh con trai hay con gái), theo họ, mỗi loại có một tác dụng riêng như *pá khơ* giúp sản phụ nhanh khô, *nậm nôm* (hà thù ô) - bổ máu, nhiều sữa, đen tóc, *bờ nạt* hoặc *nát nai* (ngải cứu) - giảm đau, *hon nậm đánh* - bổ máu, chữa đau lưng, *cỏ lâu* - chữa đau lưng và dạ dày nhím chữa đau bụng. Các loại thuốc lá giúp sản phụ mau khô, mau sạch, khỏe mạnh, chống co cơ,

đau khớp, chóng thoái hóa cột sống, đau lưng nhưng nhiều người không biết hoặc biết không đầy đủ nên thường đi mua, nhất là những vị thuốc quý hiếm (*PV bà Ngân Thị Lương*).

5. Đa số các nhóm người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ, khi gia đình có người mới sinh, họ kiêng sự xuất hiện của người lạ vì sợ vía người đó có thể hại đến đứa trẻ. Do vậy, bố hoặc ông nội đứa trẻ đan một vật bằng tre, nửa cắm ở cầu thang, ngụ ý thông báo trong nhà có trẻ mới ra đời cho người lạ biết để mà tránh xuất hiện. Vật đó, tiếng Thái gọi là *taleo*, gồm một tấm phen hình vuông, kích thước khoảng 25cm x 25cm, đan hình mắt cáo, phía trên (tùy từng nhóm và từng nơi) người ta gài cành lá lát, cúc tần (*co nát*), cành cà gai, cà đắng, cành cây *nóc nác*..., những thứ mà theo nhiều người dân ở đây là để ngăn cản, xua đuổi ma quỷ vào làm hại đứa bé. *Taleo* được treo ngay từ lúc đứa trẻ ra đời cho đến khi tổ chức lễ ra bếp (*oóc khọ*) rồi mới cất đi, tức treo 3 ngày, 3 đêm. Sinh con trai hay con gái, nơi treo *taleo* của hầu hết các nhóm Thái ở đây là cạnh ngoài cầu thang và ở bậc thang thứ hai từ trên xuống. Riêng người Tày Mường ở Con Cuông (Nghệ An) có hơi khác, nếu đứa trẻ mới sinh là bé gái thì *taleo* được cắm ra phía ngoài cầu thang; còn nếu là bé trai thì quay vào phía trong, ở bậc lên xuống (Lê Hải Đăng, 2011: 60).

Cắm *taleo* là dấu hiệu kiêng kỵ để ngăn người lạ lên nhà. Nếu có người trót vào nhà thì gia đình nhiều nhóm Thái như Tày Thanh, Tày Mường ở Quế Phong (Nghệ An), Tày Đèo ở Quan Sơn (Thanh Hóa)... cũng không sao cả, gia chủ vẫn “vui vẻ” tiếp, chỉ cảm thấy “áy náy” mà thôi. Tuy nhiên, như nhóm Tày Mường ở Con Cuông (Nghệ An)..., người khách sẽ

bị phạt vạ, phải nộp một khoản tiền đủ mua một con gà, vài ống gạo nếp, chai rượu để làm lễ cúng, những mong tránh bị lực lượng siêu nhiên làm hại đến sản phụ và đứa trẻ. Ở một số nơi, khi phạm điều kiêng kỵ, người mắc lỗi phải làm cơm cúng tạ lỗi và nhận đứa trẻ làm con nuôi. Theo đồng bào, làm như vậy là để tránh vía người lạ bắt mất đứa bé (Vi Văn An, 1985).

Sau 3 ngày 3 đêm (trừ người Tày Mường ở Con Cuông phải 7 ngày đêm đối với nam; 9 ngày đêm đối với nữ, nhưng không được qua tháng) nằm cũ ở bếp, sản phụ và đứa bé được chuyển vào giường trong nhà bằng việc tổ chức một nghi lễ gọi là lễ ra bếp (*oóc khọ, oóc pây*). Đến đây xem như kết thúc thời kỳ sinh đẻ và họ chuyển qua thời kỳ chăm sóc, nuôi dưỡng đứa trẻ và sản phụ.

Có thể nói, hiện nay, do điều kiện kinh tế-xã hội đã thay đổi nhiều, trình độ dân trí được nâng cao, mạng lưới y tế phát triển đến tận thôn bản, thực hiện chương trình kế hoạch hóa gia đình..., nên tập quán sinh đẻ của người Thái ở miền Tây Thanh - Nghệ cũng có những biến đổi. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân nên ở nhiều nơi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, người dân vẫn còn sinh đẻ tại nhà, bởi theo họ, sinh ở cơ sở y tế không có bếp lửa nên lạnh lẽo, không có lá thuốc hơ nóng để ngồi, không sắc được thuốc để uống..., mà những cái đó mới thực sự có hiệu quả. Trong những trường hợp như vậy, ngành y tế và các ngành có liên quan ngoài việc truyền truyền vận động người dân từ bỏ dần những hủ tục lạc hậu, phản khoa học, không hợp vệ sinh thì cũng cần khuyến khích các phong tục tập quán tốt đẹp như dùng thuốc lá để uống và ngồi, cho trẻ nằm với mẹ và bú ngay từ lúc mới sinh... Có như vậy, cùng với những

chính sách phát triển kinh tế-xã hội phù hợp, sự quan tâm của các ngành, các cấp, người Thái ở miền Tây hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An sẽ có những bước phát triển bền vững □

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (1985), *Các tục lệ chủ yếu trong đời sống người Thái ở huyện Con Cuông, Nghệ Tĩnh*, Tư liệu Viện Dân tộc học, Hà Nội.
2. Vi Văn An (2002), “Góp phần tìm hiểu về tên gọi Thái Đỏ ở Việt Nam”, trong: *Văn hóa và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Ban chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
4. Lê Hải Đăng (2011), *Các nghi lễ gia đình của người Tày Mường ở Con Cuông, Nghệ An*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lê Hải Đăng (2013), *Nghi lễ gia đình của người Tày Mường ở Nghệ An*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Hoàng Lương (2002), “Sự phân bố các nhóm cư dân nói tiếng Thái trên thế giới”, trong: *Văn hóa và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Nguyễn Duy Thiệu (1996), *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

(Tiếp theo trang 47)

Tuy nhiên, cán bộ hội phụ nữ cơ sở tại địa bàn khảo sát, đặc biệt là các chi hội trưởng, chưa hoàn toàn đáp ứng được như mong đợi, kỳ vọng từ phía hội viên, nhất là ở sự chủ động, thành thạo, sáng tạo trong công việc và thực hành một số kỹ năng công tác hội. Thực tế này cho thấy, nhu cầu của hội viên đối với chất lượng hoạt động của hội phụ nữ cơ sở và trình độ, năng lực của cán bộ hội ngày càng cao. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ hội cơ sở, đặc biệt là cần sự nỗ lực của chính bản thân cán bộ hội □

Tài liệu tham khảo

1. Claude Jessua (2014), *Vốn con người*, <http://www.phantichkinhte123.com/2014/12/von-con-nguoi.html>
2. Ban Chấp hành TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2014), Báo cáo khoa học *Một số giải pháp nâng cao năng lực cán bộ hội và phát triển hội viên*.
3. Trần Hữu Nghĩa (2008), “Đôi điều về lý thuyết vốn nhân lực trong mối quan hệ với giáo dục và vốn xã hội”, *Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 213, https://www.vnu.edu.vn/213/213_44to47.pdf
4. <http://hoilhpn.org.vn/>